

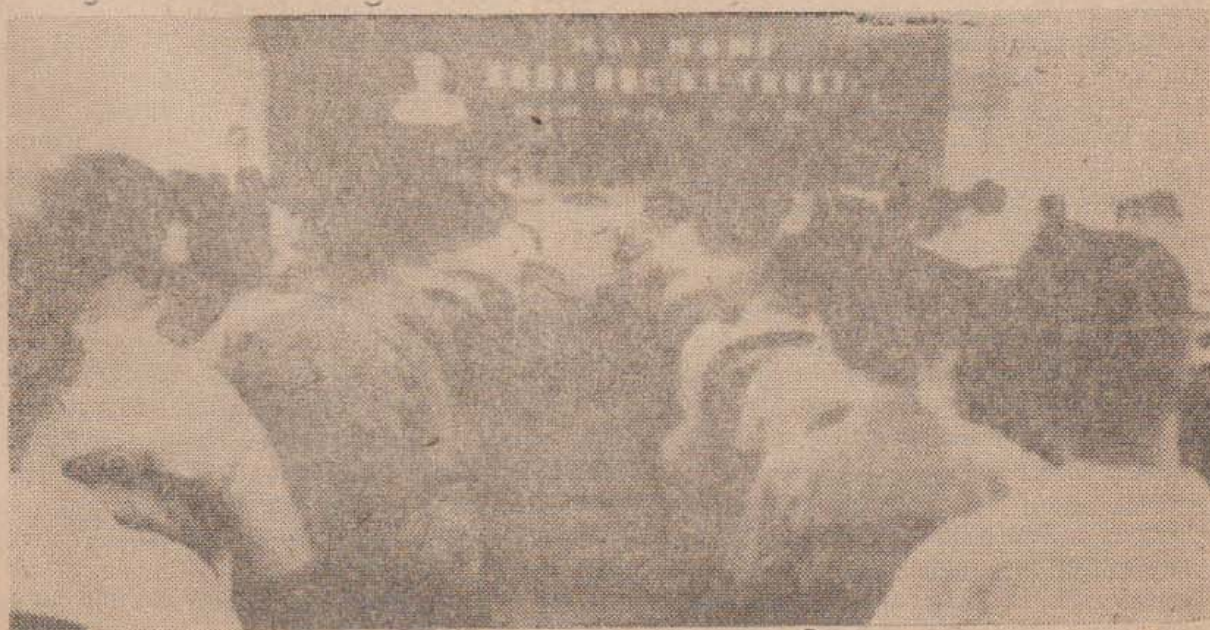
TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ KHOA HỌC KỸ THUẬT CỦA CÁC TỈNH VÀ THÀNH PHỐ (☆)

LÊ KHẮC

DƯỚI ánh sáng của các Nghị quyết của Đảng về chống Mỹ — cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước những đòi hỏi cấp bách của thực tiễn sản xuất, chiến đấu và đời sống, các địa phương đã có nhiều cố gắng trong việc xây dựng và phát triển khoa học kỹ thuật. Công tác điều tra cơ bản các điều kiện và tài nguyên thiên nhiên đã giúp các địa phương thấy được thế mạnh của mình, xác định được phương hướng sản xuất cho những ngành kinh tế chủ yếu của địa phương, quy vùng sản xuất một số cây con cụ thể, và xác định biện pháp thâm canh một số cây trồng quan trọng có cơ sở khoa học hơn. Việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, cải tiến kỹ

thuật trong các ngành kinh tế và y tế đã đưa trình độ sản xuất, trình độ phòng bệnh và chữa bệnh của các địa phương lên một bước đáng kể, nhất là trình độ thâm canh lúa nước, đã góp phần nâng cao năng suất lao động và khắc phục nhiều khó khăn về nguyên liệu, vật tư, thiết bị thiếu thốn của chúng ta. Quản lý kỹ thuật trong sản xuất có tiến bộ, về xây dựng và áp dụng quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật cũng như về quản lý đo lường, kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa nên đã góp phần nâng cao năng

(☆) Trích báo cáo của Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước, do đ/c Lê Khắc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban, đọc tại Hội nghị khoa học kỹ thuật địa phương, họp tại Hà Nội từ 27-9 đến 30-9 năm 1977.



Một phần quang cảnh Hội nghị KHKT địa phương

suất và chất lượng sản phẩm, tạo điều kiện cho một số tiến bộ kỹ thuật đi vào sản xuất nhanh hơn. Các địa phương cũng đã xây dựng được một lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật khá đông đảo, một mạng lưới cơ sở khoa học kỹ thuật và một hệ thống tổ chức quản lý khoa học kỹ thuật khá phát triển, tuy còn nhiều nhược điểm, nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và Ủy ban Nhân dân địa phương, đã góp phần tạo nên những tiến bộ và thành tựu khoa học kỹ thuật vừa qua của các địa phương.

Tuy nhiên, so với yêu cầu to lớn và cấp bách góp phần xây dựng mỗi tỉnh, thành phố thành một đơn vị kinh tế công nông nghiệp phát triển, thì công tác khoa học kỹ thuật của các địa phương phát triển chậm, phát triển không đều, còn nhiều khuyết điểm và chưa phục vụ tốt kinh tế địa phương. Công tác điều tra cơ bản tiến hành chậm, chất lượng nhiều khi chưa được tốt, điều tra nghiên cứu tổng hợp từng vùng ít được chú ý, vì vậy chưa cung cấp được kịp thời những hiểu biết đầy đủ, cụ thể về điều kiện và tài nguyên thiên nhiên cho nghiên cứu phân vùng, quy hoạch kinh tế của địa phương. Lực lượng cán bộ nghiên cứu có trình độ, có kinh nghiệm ít, cơ sở vật chất cho công tác nghiên cứu thiếu, công tác nghiên cứu thí nghiệm của nhiều địa phương còn tản mạn, thiếu tập trung, để có thể giải quyết dứt điểm và có kết quả tốt một số vấn đề, đề tài trọng điểm của địa phương. Nghiên cứu phục vụ trồng cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng, nghề cá, chế biến nông, lâm, hải sản còn ít. Điều đó chứng tỏ lực lượng khoa học kỹ thuật về các mặt này còn yếu; đồng thời, chứng tỏ công tác khoa học kỹ thuật chưa nhằm phát huy thế mạnh của các tỉnh trung du, miền núi, miền biển. Phong trào cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất ở nhiều địa phương, phát triển không đều và chưa thành một phong trào quần chúng sâu rộng, có tổ chức, có lãnh đạo chặt chẽ. Việc áp dụng các kết quả nghiên cứu, thường còn ít và chậm chạp, có những trường hợp do chưa có đủ điều kiện áp dụng rộng rãi, nhưng cũng có nhiều trường hợp do việc tổ chức xác minh, đánh giá, thông tin, phổ biến áp dụng chưa được tốt. Quản lý kỹ thuật trong sản xuất nói chung, còn lỏng lẻo. Nhiều hợp tác xã, nông trường, lâm trường, xí nghiệp công nghiệp địa phương không thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật đã ban hành. Trình độ tiêu chuẩn hóa trong sản xuất nông nghiệp còn rất thấp. Quản lý đo lường trong lưu thông phân phối khá hơn, quản lý đo lường trong sản xuất công nghiệp, trên

địa bàn huyện và hợp tác xã còn yếu. Kiểm tra chất lượng mới tiến hành đối với một số ít sản phẩm công nghiệp địa phương, còn chất lượng sản phẩm nông nghiệp hầu như chưa được quản lý; kiểm tra việc xây dựng tiềm lực khoa học kỹ thuật của các địa phương chưa được xây dựng theo quy hoạch đã định, chưa được chỉ đạo thống nhất, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và mạng lưới cơ sở khoa học kỹ thuật của địa phương hình thành hầu như tùy theo nhận thức và khả năng của từng ngành ở địa phương, do đó chất lượng hạn chế, tác dụng cũng hạn chế.

Nguyên nhân của những khuyết, nhược điểm trên đây là:

a) Các địa phương tiến hành xây dựng và phát triển kinh tế, xây dựng và phát triển khoa học kỹ thuật của địa phương trong điều kiện, hoàn cảnh nước ta từ một nền sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu đi lên, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa phải chống Mỹ, cứu nước, lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật, cơ sở vật chất và kỹ thuật cho công tác khoa học kỹ thuật của các địa phương lúc đầu hầu như chưa có gì, khó khăn nhiều mặt.

b) Chưa nhận thức đầy đủ và đúng vị trí, vai trò của cách mạng khoa học - kỹ thuật, và nhiệm vụ công tác khoa học kỹ thuật của địa phương trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế, cải thiện đời sống ở địa phương, cho nên một số cấp ủy Đảng và cấp chính quyền địa phương chưa quan tâm lãnh đạo, quản lý công tác khoa học kỹ thuật, chưa động viên tổ chức được phong trào quần chúng tiến quân vào khoa học kỹ thuật mạnh mẽ, liên tục.

c) Trình độ tổ chức quản lý kinh tế, trình độ tổ chức quản lý khoa học kỹ thuật của các ngành, các cấp ở địa phương phần nhiều còn yếu, các cơ quan quản lý chuyên ngành cũng như các cơ quan quản lý tổng hợp về khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, thành phố chưa được kiện toàn, ở cấp huyện chưa có tổ chức quản lý khoa học kỹ thuật, ở cấp cơ sở, tổ chức quản lý khoa học kỹ thuật phần nhiều còn yếu và không thống nhất.

d) Việc chỉ đạo, giúp đỡ của các Bộ, của Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước đối với công tác khoa học kỹ thuật địa phương còn rất ít, chưa thực hiện được nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý lãnh thổ theo địa phương. Sự phối hợp giúp đỡ của các Viện, các Trường đại học đối với địa phương cũng ít.

Nước ta, từ sản xuất nhỏ đi lên, trình độ khoa học kỹ thuật còn thấp, lại phải phấn đấu hoàn thành xây dựng cơ sở vật chất kỹ

thuật của chủ nghĩa xã hội trong một thời gian tương đối ngắn. Vì vậy, vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, vừa tăng cường công tác khoa học kỹ thuật của các cơ quan trung ương, vừa xây dựng và phát triển khoa học kỹ thuật ở các địa phương là tất yếu để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả nước, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ lịch sử nặng nề và vẻ vang đó.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC KỸ THUẬT Ở CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRONG KẾ HOẠCH 5 NĂM 1976 - 1980.

Đề góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ 4, về phát triển kinh tế, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 2 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp; đồng thời, thực hiện thắng lợi những mục tiêu phát triển kinh tế do Đại hội Đảng bộ các tỉnh, thành phố đề ra, phương hướng nhiệm vụ khoa học kỹ thuật ở các tỉnh, thành phố trong kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) là:

Tập trung và huy động mọi lực lượng khoa học kỹ thuật ở địa phương, đồng thời với sự giúp đỡ và phối hợp chặt chẽ của các ngành ở trung ương, đưa quản lý kỹ thuật vào nền nếp, đưa nhanh những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đẩy mạnh nghiên cứu thực nghiệm khoa học kỹ thuật và điều tra cơ bản, tăng cường một bước xây dựng tiềm lực khoa học kỹ thuật và cơ sở vật chất cho khoa học kỹ thuật nhằm tăng nhanh năng suất lao động trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm, giảm định mức tiêu hao nguyên vật liệu, thay thế nguyên vật liệu nhập khẩu bằng nguyên vật liệu sản xuất trong nước, nâng cao trình độ và kỹ thuật sản xuất, bảo đảm và nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu ăn, mặc, ở của nhân dân và yêu cầu xuất khẩu.

1. Tò chức tốt công tác điều tra tài nguyên và điều kiện thiên nhiên.

Nhiệm vụ công tác điều tra tài nguyên và điều kiện thiên nhiên ở các địa phương trong thời gian tới là:

Cùng với điều tra cơ bản về từng mặt, cần xúc tiến việc điều tra tổng hợp (điều tra tốt cả các thành phần và các yếu tố cần thiết các mối quan hệ giữa các thành phần, các yếu tố đó, để có sự hiểu biết đầy đủ về lãnh thổ được tiến hành điều tra).

Tích cực tham gia vào các chương trình điều tra tổng hợp trọng điểm của Nhà nước trên địa phương mình (đồng bằng sông Cửu-

long, Tây-nguyên, Tây-bắc, biên ven bờ), cụ thể là:

+ Điều tra phân tích chất đất và cơ-lý tính của đất, để xác định chế độ bón phân thích hợp và quy hoạch diện tích đất cho nông nghiệp trồng lúa, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây công nghiệp dài ngày, diện tích đồng cỏ và các cây thức ăn gia súc, đồng thời phục vụ cho kế hoạch cơ giới hóa nông nghiệp. Điều tra tính chất của các loại đất mặn, chua, phèn, bạc màu, để có biện pháp cải tạo và sử dụng đất thích hợp. Điều tra đất rừng, điều kiện khí hậu, sinh lý, sinh thái của từng loại rừng (rừng gỗ quý, rừng dây, rừng thưa, rừng đước, rừng chàm, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng chắn gió, chắn cát ven biển v.v...). Trước hết, tập trung làm nhanh các vùng trọng điểm như Tây sông Hiếu, Tây nam Nghệ-tĩnh, Tây nam Quảng-bình, kênh Hà-nùng, Gia-nghĩa nhằm phục vụ yêu cầu quy hoạch trồng và tái sinh rừng, khai thác và chế biến gỗ, bảo vệ nguồn nước và chống bão lụt cho đồng bằng, hạn chế hủy hoại tài nguyên đất (chống xói mòn)

Trên cơ sở kết quả điều tra đất nông nghiệp và lâm nghiệp nói trên, lập bản đồ thổ nhưỡng tỷ lệ 1/50.000 cho từng tỉnh, 1/25.000 cho từng huyện; bản đồ nông hóa tỷ lệ 1/5.000, 1/10.000 cho từng cơ sở sản xuất. Điều tra dịch bệnh hại cây trồng và vật nuôi về thành phần, phân bố, tác hại, đặc điểm sinh lý, sinh thái. Điều tra thu thập các số liệu về nước mặt, nước ngầm, về khí hậu nông nghiệp.

+ Điều tra diện tích hồ, ao phục vụ cho việc quy hoạch và phát triển nghề nuôi cá nước ngọt. Điều tra các nguồn lợi rong biển, nguồn cá và các đặc sản khác thuộc địa phương (đôi môi, ngọc trai, bào ngư, các hải sản, hải sản...) phục vụ cho việc nuôi trồng và khai thác. Điều tra hàm lượng muối trong nước biển theo mùa (mùa, khô...) phục vụ cho việc quy hoạch và phát triển nghề muối.

+ Cần tiến hành điều tra nguồn tài nguyên được liệt kê để phục vụ cho quy hoạch trồng và chế biến thuốc chữa bệnh.

+ Để phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng của địa phương cần tiến hành điều tra các nguồn và tính chất của các loại đất, cát, đá, sỏi v.v...

2. Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng khoa học kỹ thuật.

1 *Trọng nông nghiệp*: Nhằm góp phần quan trọng đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, quyết tâm đạt cho được mục tiêu mà Đại hội lần thứ 4 của Đảng và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 2 về phát triển nông nghiệp đã đề ra (21 triệu tấn lương thực, 1 triệu

héc-ta khai hoang, 16 triệu 500 nghìn con lợn), trước hết là mục tiêu sản xuất lương thực. Nhiệm vụ hàng đầu về nghiên cứu và áp dụng khoa học kỹ thuật của các tỉnh, thành phố trong kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 là: nghiên cứu và áp dụng giống mới năng suất cao về cây trồng và vật nuôi chủ yếu, áp dụng các biện pháp tưới tiêu khoa học, bảo vệ và cải tạo chất đất, phòng trừ dịch bệnh cây trồng và vật nuôi, cơ giới hóa trên một số vùng sản xuất lớn có yêu cầu cấp thiết và mang lại hiệu quả cao (đồng bằng Nam-bộ, đồng bằng Bắc-bộ, vùng khai hoang mới), nhằm từng bước thực hiện cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp, như thủy lợi hóa, cơ giới hóa, hóa học hóa, điện khí hóa, áp dụng những thành tựu mới về cách mạng sinh học.

a) Về trồng trọt:

Từ những bài học kinh nghiệm cổ truyền của nhân dân ta về các biện pháp kỹ thuật trồng trọt là "nước - phân - cần giống", kết hợp với việc tiếp thu và vận dụng thành tựu của cuộc "cách mạng xanh" trên thế giới, trong nhiều năm qua, ở các đơn vị sản xuất đã đạt năng suất từ 5 tấn đến 8 tấn cho thấy, việc áp dụng một cách toàn diện và liên hoàn trên đồng ruộng về mọi yếu tố kỹ thuật và sinh học: giống, khí hậu (thời vụ), bảo vệ và cải tạo đất, thủy lợi (tưới, tiêu), phân bón, phòng trừ sâu bệnh, vẫn là những yếu tố quyết định để tăng năng suất cây trồng, do đó phải nghiên cứu và áp dụng một cách toàn diện, không coi nhẹ yếu tố nào.

- Để thâm canh tăng năng suất lúa, trước hết cần phát triển nhanh diện tích gieo trồng bằng cách sử dụng và khai thác tiềm năng của các giống lúa mới đã được xác nhận, đồng thời nghiên cứu thực nghiệm địa phương hóa các giống mới đã được các cơ quan nghiên cứu ở trung ương lai tạo, thuần hóa, trên cơ sở giống trong nước và nhập ngoại để lựa chọn và tạo các giống mới thích hợp với điều kiện từng địa phương và từng vụ.

Để đảm bảo chất lượng của giống lúa mới, cần xây dựng nhanh hệ thống sản xuất và quản lý giống trong cả nước theo tiêu chuẩn hạt giống lúa Việt-nam đã ban hành. Ngoài các cơ sở sản xuất giống nguyên chủng của trung ương, có cơ sở sản xuất giống cấp I của tỉnh, thành phố, do nông trường và một số hợp tác xã tiên tiến đảm nhiệm, cơ sở sản xuất giống cấp II của huyện, hợp tác xã và nông trường sản xuất giống cấp III (giống đại trà). Huyện sẽ là cơ quan quản lý và phân

phối giống cấp II cho các hợp tác xã (ba năm đổi giống cho hợp tác xã một lần).

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu và thực nghiệm của các Viện, Trường ở trung ương và các trạm trại ở các địa phương đã được giám định và kết luận, Bộ Nông nghiệp công bố danh mục giống lúa mới được dùng trong sản xuất đối với từng vùng, từng vụ; đồng thời công bố danh mục các giống lúa xấu, năng suất và chất lượng kém, phải loại bỏ.

- Đối với các tỉnh đồng bằng và trung du Bắc-bộ, khi đã có giống mới, thì thủy lợi không những là biện pháp kỹ thuật hàng đầu đối với việc thâm canh tăng năng suất cây trồng, mà còn có ý nghĩa quyết định đối với việc chống úng mở rộng diện tích vụ mùa. Do đó nhiệm vụ nghiên cứu và áp dụng khoa học kỹ thuật đối với các tỉnh phía bắc là: phải xây dựng và áp dụng quy trình tưới tiêu khoa học theo nhu cầu của từng giai đoạn sinh trưởng của cây lúa, trên diện tích lúa 1 vụ, với điều kiện hoàn chỉnh thủy nông, xây dựng và kiến thiết đồng ruộng (đắp bờ, cải tạo mặt bằng) đảm bảo giữ nước và tiêu nước; xây dựng một số công trình chống úng với các trạm bơm công suất lớn nhằm giải quyết úng cho khoảng 15-26 vạn héc-ta chưa cấy được hoặc còn ngập lụt, thành diện tích vụ mùa chắc chắn.

Đối với các tỉnh đồng bằng sông Cửu-long, Đông Nam-bộ và Tây-nguyên, duyên hải khu 5 và khu 4 cũ, thì thủy lợi là biện pháp quyết định để tăng vụ và khai hoang. Do đó, cần áp dụng các biện pháp kỹ thuật đảm bảo tu bổ, khôi phục và mở rộng nhanh chóng hệ thống thủy lợi đã có. Ngoài việc tiếp tục tiến hành quy hoạch cụ thể các sông, các vùng lớn ở đồng bằng sông Cửu-long, ở miền Đông, 3 tỉnh khu 6 và 2 tỉnh Tây-nguyên do lực lượng các ngành trung ương đảm nhiệm (kết hợp với địa phương); phải đồng thời gấp rút xây dựng lực lượng của địa phương, để đẩy nhanh tốc độ khảo sát, thiết kế, bảo đảm thi công nhanh các công trình thủy lợi đã được xác định.

- Phân bón, luân canh và cải tạo đất là một yếu tố quan trọng để tăng năng suất lúa. Số lượng phân hóa học của ta trong những năm tới còn có hạn, do đó cần nghiên cứu và áp dụng các biện pháp kỹ thuật để tăng nguồn phân hữu cơ: phân chuồng, phân xanh, phân rác v.v... Muốn đạt năng suất lúa cao 5 tấn ha vụ thường phải có cơ cấu phân bón hữu cơ từ 10-12 tấn. Vì vậy, ngoài việc làm phân tại ruộng (phân ngâm, phân đất) và sử dụng các kiểu hầm phân tốt hiện có, cần tổng kết rút kinh nghiệm và nghiên cứu định hình một số thiết bị dụng cụ chế biến bảo quản

phân chuồng, phân rác v.v... để một đầu lợn, trâu bò có thể cho hàng năm 6-7 tấn phân (kể cả chất độn) chứ không phải chỉ đạt 1-2 tấn đầu lợn, trâu bò như hiện nay.

Ngoài phân chuồng, cần khôi phục và phát triển mạnh phong trào làm bèo dâu, điền thanh luân canh giữa 2 vụ lúa như các tỉnh phía bắc đã làm những năm qua. Sản xuất bèo dâu cần được phát triển ở những vùng chuyên canh lúa (2 vụ lúa 1 bèo dâu). Một mặt, cần tổng kết rút ra những kinh nghiệm xây dựng và áp dụng những biện pháp kỹ thuật giữ giống, nhân giống, phòng trừ sâu bệnh, kỹ thuật chăm sóc tốt. Mặt khác cần nghiên cứu phương pháp nhân giống bằng bào tử, phòng trừ sâu bệnh cho bèo dâu bằng biện pháp sinh học, cải tiến công cụ thu hoạch và chế biến theo hướng công nghiệp hóa, nhằm không những chỉ sản xuất bèo dâu trong vụ đông xuân mà cả trong vụ hè. Đây là vấn đề lớn, một mặt phát huy phong trào quần chúng, chủ động sáng tạo của địa phương; mặt khác, cần có sự phối hợp giúp đỡ tích cực của các cơ quan nghiên cứu của các ngành ở trung ương.

Điền thanh là cây dùng làm phân xanh thích hợp cho vụ hè và ruộng lúa nước, do đó cần nghiên cứu xác định các biện pháp kỹ thuật một cách toàn diện từ hạt giống đến kỹ thuật gieo trồng, thời gian sinh trưởng, chế độ luân canh với lúa, phương pháp cây vùi, vừa đảm bảo phân bón cải tạo đất, vừa đảm bảo thời vụ của lúa.

Cần áp dụng rộng rãi kỹ thuật cây vắn rạ kết hợp bón vôi hay apatit nghiền (nguồn nguyên liệu ta có sẵn). Riêng đối với vùng đồng bằng sông Cửu-long, cần đặc biệt chú ý áp dụng rộng rãi kỹ thuật làm phân chuồng, phân xanh, bón vôi, apatit nghiền với liều lượng thích hợp, nhằm cải tạo những loại đất lúa cho năng suất thấp. Cần nghiên cứu cải tiến các kiểu công trình lấy phù sa sông Hồng, để vừa lấy được phù sa ở các mực nước sông lên xuống khác nhau, vừa tránh bồi lấp công trình, dùng phù sa lấp ruộng trũng và khai thác phù sa để làm tốt ruộng lúa đồng bằng Bắc-bộ.

Cải tạo đất mặn và chua phèn ở các tỉnh phía nam phải lấy thủy lợi là biện pháp hàng đầu để "thau chua rửa mặn". Do đó phải tập trung hoàn chỉnh thủy nông ở vùng châu thổ sông Cửu-long; thực hiện các dự án thủy nông để tháo nước mặn, tận dụng nước mưa, nước lợ; đắp đê ngăn thủy triều với các cống tự đóng mở theo áp lực thủy triều bên ngoài và nước tháo ra bên trong.

Đất chua phèn ở Đồng-thấp-mười và miền Tây Nam-bộ, cần có quy hoạch cải tạo lâu dài bằng hệ thống đê, kênh mương, cống tháo

và hạ mực nước xả phèn. Cần tổng kết kinh nghiệm xử lý các loại ruộng đất phèn khác nhau (phèn lạnh, phèn ống.) Kết hợp nghiên cứu thí nghiệm xác định có cơ sở khoa học tính chất chua phèn của từng vùng để định ra các quy trình và biện pháp kỹ thuật cải tạo và sử dụng hợp lý. Đối với các tỉnh trung du phía bắc (Vĩnh-phú, Hà-bắc..), cần cải tạo đất bạc màu bằng cách áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật như: hoàn chỉnh thủy nông và xây dựng đồng ruộng để chống rửa trôi, xói lở, bón vôi cải tạo độ chua; tăng lượng mùn bằng cây phân xanh bèo dâu, luân canh cây họ đậu; tăng phân khoáng trong đó có kali, cây sâu dân để tăng độ dày canh tác và hàm lượng sét trong đất. Để sử dụng hợp lý và bảo vệ chất đất ở các vùng đồi núi, cao nguyên, cần áp dụng quy phạm canh tác theo đường đồng mức.

Phòng trừ sâu bệnh đối với lúa cũng là một yếu tố kỹ thuật không kém phần quan trọng nhằm tăng năng suất lúa. Vì vậy, cần nghiên cứu tìm hiểu quy luật phát sinh, phát triển của sâu bệnh trong từng vụ và ở mỗi vùng để xây dựng và áp dụng các biện pháp phòng trừ tổng hợp (vật lý, sinh học, hóa học, kỹ thuật canh tác v.v...). Trong việc chống sâu bệnh cho lúa, tránh đối phó khi sâu bệnh đã phát triển thành dịch, cần chủ động phòng trừ sâu bệnh ngay từ khi chuẩn bị gieo cấy, kết hợp với xác định và làm đúng thời vụ, từ làm vệ sinh đồng ruộng trước và trong mỗi vụ gieo trồng, đến việc thực hiện đúng đắn các biện pháp kỹ thuật thâm canh. Đối với các tỉnh phía nam, cần sắp xếp việc gieo trồng vào thời vụ, xóa bỏ tập quán gieo cấy bất cứ lúc nào, tạo điều kiện cho sâu bệnh lan tràn từ vụ này sang vụ khác.

Ngoài các yếu tố và biện pháp kỹ thuật nói trên, cần nghiên cứu và áp dụng các biện pháp kỹ thuật làm đất, cấy, làm mạ thích hợp với từng loại giống lúa, từng vùng, từng địa phương. Phổ biến và áp dụng mật độ cấy thích hợp để bảo đảm năng suất cao với các loại giống lúa. Các kỹ thuật gieo thẳng, gieo mạ trên nền đất cứng (gieo mạ sân), mạ không đất... cần được áp dụng, nhưng phải tính toán đầy đủ đến các biện pháp kỹ thuật kèm theo, từ điều kiện tưới tiêu chủ động, kỹ thuật làm đất, trừ cỏ, chống rét (đối với các tỉnh phía bắc), đến các yêu cầu tiết kiệm giống, phòng trừ sâu bệnh, giải phóng đất nhanh để tăng vụ v.v... áp dụng kỹ thuật gieo thẳng là một yếu tố tăng năng suất, đồng thời là phương pháp gieo trồng để bảo đảm thời vụ trên diện tích rộng, thường thích hợp với những giống lúa có thời gian

sinh trưởng ngắn trên dưới 100 ngày, trên cơ sở làm đất tốt, gieo với mật độ thích hợp (200-300kg hạt giống trên một hecta để hạn chế cỏ, chủ động được tưới tiêu. Đối với các tỉnh phía bắc, để chủ động với thời tiết trong vụ đông xuân, cần nghiên cứu và áp dụng các biện pháp kỹ thuật chống rét cho mạ xuân (làm mạ dưới màng mỏng polyetylen v.v...).

Trong những năm qua, chúng ta mới thâm canh lúa, chưa chú ý đến thâm canh màu và cây trồng khác. Nhằm khắc phục những thiếu sót đó, trong thời gian tới, cần vận dụng bài học kinh nghiệm thâm canh lúa, đồng thời qua tổng kết kinh nghiệm và kết quả nghiên cứu và áp dụng đã đạt được đối với các cây trồng khác (ngô, khoai, sắn, đậu tương, rau quả, bông, mía v.v...) để đẩy mạnh điều tra nghiên cứu và áp dụng kỹ thuật tiến bộ trên các yếu tố lựa chọn, lai tạo, xác định tập đoàn giống mới năng suất cao; kỹ thuật sản xuất, bảo quản giống, hệ thống cung cấp giống; kỹ thuật tưới bón phân; kỹ thuật tổng hợp phòng trừ sâu bệnh; chế độ luân canh, thời vụ v.v... thích hợp với từng vùng, từng địa phương, nhằm phát triển cây trồng trong nông nghiệp một cách toàn diện.

b) Về chăn nuôi: Để tăng năng suất chăn nuôi, phát triển đàn gia súc (lợn, trâu bò), gia cầm (gà công nghiệp, vịt), phải đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật một cách toàn diện, từ giống, thức ăn, đến phòng trừ dịch bệnh.

Tuy giống và phòng trừ dịch bệnh cũng còn nhiều việc phải giải quyết, nhưng vấn đề mấu chốt trong chăn nuôi hiện nay là phát triển và tận dụng mọi nguồn thức ăn xanh, thức ăn bột, thức ăn giàu đạm cho gia súc, gia cầm: do đó, cùng với việc áp dụng kỹ thuật xây dựng và phát triển đồng cỏ, áp dụng các quy trình thâm canh, luân canh hợp lý đối với từng loại cây thức ăn gia súc, cần áp dụng các phương pháp kỹ thuật phơi sấy, nghiền thái, trộn và các phương pháp lên men vi sinh vật để chế biến thức ăn tinh hỗn hợp, thức ăn lên men, nhằm khai thác, sử dụng hợp lý, dự trữ và tăng giá trị của các nguồn thức ăn chủ lực (cám, ngô, khoai, các loại khô dầu, bột cá...), các nguồn nguyên liệu từ các sản phẩm phụ của nông nghiệp, công nghiệp và đời sống.

Mặt khác, cần xây dựng và áp dụng rộng rãi các tiêu chuẩn khẩu phần thức ăn, thích ứng với từng giai đoạn sinh trưởng phát, dực của từng loại gia súc, gia cầm và giảm đến mức thấp nhất số tiêu thụ thức ăn cho một đơn vị tăng trọng.

Mở rộng việc áp dụng các giống mới đã kết luận, phát triển nhanh lợn lai kinh tế với công thức lai thích hợp cho từng vùng và tùy theo điều kiện thức ăn của mỗi vùng (Bershaire $\times$ ý; Đại bạch $\times$ ý v.v...), phát huy tác dụng của giống gà công nghiệp, bò sữa, trâu sữa, áp dụng rộng rãi thụ tinh nhân tạo bằng tinh lỏng và tinh đông viên cho lợn, bò; chọn trâu nái, nòng nọc, lai với trâu Murrah để tiết kiệm giống đực và tăng năng suất sinh sản. Áp dụng kích dục tố cho lợn nái để đồng loạt, tăng năng suất sinh sản hoặc cho lợn thịt chóng lớn, cho lợn con và bê nghé cai sữa sớm. Nhằm lựa chọn, quản lý và sản xuất giống tốt, cần xây dựng tiêu chuẩn và thể lệ đăng ký giống; khảo sát, đánh giá con giống, xây dựng hệ thống trạm trại giống, trước hết cho lợn: xây dựng chuồng trại theo thiết kế mẫu phù hợp với đặc điểm sinh lý, sinh thái của gia súc, gia cầm, phù hợp với điều kiện khí hậu và khả năng nguyên vật liệu của địa phương.

Đi đôi với việc áp dụng các chế độ vệ sinh chuồng trại, vệ sinh phòng dịch đối với gia súc, gia cầm, cần mở rộng sản xuất và sử dụng các loại thuốc đã được xác định như các loại vắc xin và một số thuốc phòng: dịch tả lợn, tụ huyết trùng lợn, xoắn trùng lợn, đóng dấu lợn, phòng chống bệnh ký sinh trùng đường máu, sán lá gan hại trâu bò; vắc xin chống bệnh cầu trùng gà (coccidiose), đậu gà v.v... Nghiên cứu các biện pháp thanh toán dịch tả trâu bò và bệnh lở mồm long móng trâu bò ở các tỉnh phía nam. Cố gắng và phát triển mạng lưới thú y đến tận huyện, hợp tác xã, một mặt làm nhiệm vụ hướng dẫn vệ sinh phòng bệnh; mặt khác, đảm bảo việc tiêm thuốc, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm kịp thời.

Ngoài ra, cần đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng kỹ thuật nuôi tằm, nuôi ong. Trước mắt, nghiên cứu áp dụng các biện pháp kỹ thuật và sinh học khắc phục 2 bệnh nguy hại nhất còn phổ biến là bệnh tằm gai, bệnh thối ấu trùng ong; đồng thời nghiên cứu và áp dụng các kỹ thuật lai tạo và phát triển các giống mới, kỹ thuật chăn nuôi mới.

c) Về cơ khí hóa nông nghiệp.

Trong kế hoạch 5 năm 1976-1980, do khả năng cơ sở vật chất-kỹ thuật của ta còn có hạn, do mức độ yêu cầu khác nhau của từng vùng, từng địa phương, do yêu cầu cụ thể cần thiết khác nhau ở các khâu công tác, nên chưa thể cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp ở mức độ cao và đồng đều ở mọi nơi. Trước hết, phải tập trung cơ giới hóa ở những vùng kinh tế lớn, có yêu cầu cơ giới cấp thiết và đem lại hiệu quả cao (như

đồng bằng sông Cửu-long vùng khai hoang mới, vùng đồng bằng Bắc-bộ). Cơ giới hóa trước hết nhằm vào các khâu tốn nhiều lao động, khâu trưng về thời vụ, ảnh hưởng lớn đến sản lượng (làm đất, thủy lợi, vận chuyển, thu hoạch...), đồng thời giải quyết cơ khí hóa xay xát về chế biến nông sản, cơ giới hóa chuồng trại chăn nuôi quy mô lớn, chế biến thức ăn gia súc và canh tác đồng cỏ. Song song với việc tích cực đưa máy móc thiết bị vào các khâu sản xuất nông nghiệp có trọng tâm trọng điểm, cần đẩy mạnh việc giải quyết công cụ thường và công cụ cải tiến, nửa cơ giới bằng cách bình tuyền, chọn lọc mẫu công cụ thích hợp cho từng vùng, loại bỏ công cụ lạc hậu, và nhất là nghiên cứu công nghệ chế tạo đảm bảo chất lượng tốt và số lượng đủ để cung cấp cho nông dân.

Xúc tiến việc tổ chức các Trạm cơ khí sửa chữa máy móc và nông cụ cấp huyện và các Tổ nông cụ cơ khí trong hợp tác xã nông nghiệp, nông trường quốc doanh.

Đồng thời phối hợp với các cơ quan nghiên cứu và các ngành trung ương, nghiên cứu xác định các chủng loại, các cỡ kiểu máy kéo, máy công tác cho một số khâu cần thiết (gieo cấy gặt đập, thu hoạch), các máy móc nông nghiệp khác; thích hợp với việc canh tác ruộng nước, ruộng đất ướt, canh tác đất đồi dốc (có độ dốc cao, xói mòn mạnh), canh tác đồng cỏ, chế biến hoa màu và nông sản khác, phù hợp với đặc điểm điều kiện của từng vùng, từng địa phương, nhằm từng bước tiến tới tự thiết kế và chế tạo hệ thống máy kéo và máy phục vụ nông nghiệp của nước ta.

2. Trong lâm nghiệp:

Cần nghiên cứu và áp dụng các biện pháp kỹ thuật một cách toàn diện trong các khâu trồng rừng, tái sinh rừng, tu bổ và bảo vệ rừng. Trước hết, cần áp dụng rộng rãi các quy trình cho cây giống, khoanh khu rừng giống theo tiêu chuẩn, ươm cây con trong bầu; tổ chức tốt hệ thống vườn ươm, bảo vệ và tận thu nguồn giống các loại cây trồng chính như thông mỡ bồ đề, đồng thời tận dụng các giống cây địa phương; áp dụng quy trình kỹ thuật trồng đối với từng loại cây đã xác định, nhằm phục vụ kế hoạch trồng 1,2 triệu hecta rừng bao gồm: rừng phòng hộ đầu nguồn từ biên giới Việt - Trung, Hoàng-liên-sơn, đến dọc Trường-sơn; rừng phi lao chống cá bay phòng hộ ven biển từ Quảng-ninh đến Thuận-hải; rừng gỗ trụ mỏ Đông-bắc và Tây-bắc Bắc-bộ, Nghệ-tĩnh, Quảng-nam - Đà-nẵng, rừng nguyên liệu giấy ở trung du và miền núi Bắc-bộ (bồ đề, mỡ thông, tre), khu 4 cũ (tre, luồng bồ đề, thông), các tỉnh miền

Trung và cực Nam Trung-bộ (chủ yếu là thông). Áp dụng kỹ thuật tái sinh bằng cách tra dặm rừng nghèo kiệt (Vĩnh-phú, Hữu-lũng, Tây-bắc) và diện tích rừng bị chiến tranh tàn phá ở các tỉnh phía nam; kỹ thuật tái sinh rừng đang khai thác (sông Hiếu - Nghệ-an) thành rừng nhiều tầng. Nghiên cứu kỹ thuật khai thác, tái sinh, gây trồng khu vực rừng thông 2 lá ở Lâm-đông. Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật phục hồi và phát triển rừng đồng lầy và rừng đất phèn (đước, tràm). Xác định các biện pháp kỹ thuật khai thác tái sinh rừng già gỗ quý (Cẩm-lai, Trác, Tách, Sao...) tại miền Đông Nam-bộ và Tây-nguyên.

Áp dụng các công nghệ và thiết bị kỹ thuật nhằm sử dụng triệt để gỗ cành, ngọn, phế loại, gỗ tre nửa để sản xuất ván ép. Phát triển ngâm tẩm các loại gỗ xẻ, gỗ trụ mỏ, gỗ tà vẹt, gỗ cắt điện để tăng tuổi thọ của gỗ bằng các hóa chất và kỹ thuật ngoại tẩm đã được kết luận. Khảo nghiệm, tuyền và áp dụng các phương tiện, chặt hạ, vận xuất, bốc dỡ nhằm tăng năng suất khai thác gỗ.

3. Trong ngư nghiệp:

Nhằm góp phần quan trọng vào việc thực hiện chỉ tiêu khai thác trên một triệu tấn cá: vấn đề bức thiết đối với các địa phương là cơ giới hóa nghề cá, trước hết là cơ giới hóa khâu đánh bắt. Một mặt, tạo điều kiện để duy trì số thuyền cơ giới hóa hiện có ở các tỉnh ven biển phía nam; mặt khác, cơ giới hóa từng bước nghề đánh cá biển ở các tỉnh phía bắc bằng thuyền diênzen thủy cỡ nhỏ. Đối với khu vực đánh cá quốc doanh, chủ yếu bằng tàu cỡ 90 - 135 sức ngựa. Để giảm bớt khó khăn về tàu thuyền vỏ gỗ và vỏ thép, cần áp dụng kỹ thuật đóng tàu vỏ xi măng lưới thép. Nghiên cứu cải tiến lưới và các phụ kiện nhằm giảm sức cản, tăng tốc độ dặt lưới, tăng diện tích vét của lưới. Ứng dụng kỹ thuật lưới kéo nhiều tầng ở vùng biển sâu trên 200m, kết hợp dùng ánh sáng để tập trung cá ở độ sâu tùy ý. Áp dụng kỹ thuật lưới vây ở vùng nước hội tụ, vùng cá nổi tập trung, áp dụng các biện pháp tăng tốc độ chìm của lưới vây, sử dụng nguồn ánh sáng để tập trung cá trong khâu thu cá. Cơ giới hóa và cải tiến kỹ thuật đánh bắt tôm.

Cùng với nghiên cứu và áp dụng kỹ thuật khai thác hải sản, cần tích cực nghiên cứu và áp dụng kỹ thuật nuôi tôm, cá, thủy sản nước lợ và nước ngọt, đặc biệt là nuôi tôm ven biển ở vùng đồng bằng sông Cửu-long. Áp dụng kỹ thuật cá sinh sản nhân tạo cho một số loài tôm he, cá đối, cá tráp... Phát triển kỹ thuật nuôi trồng rau câu chỉ vàng. Nghiên cứu và áp dụng kỹ thuật nuôi đặc sản: đồi mồi, bào ngư, tụ hải...

Phát triển kỹ thuật sinh sản cá nhân tạo ở các hồ, ao, đồng ruộng, nhằm đảm bảo đủ cá giống. Cần xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống trại giống cá ở các địa phương.

4. Trong các ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

Đề phục vụ phát triển nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng chế biến và bảo quản lương thực thực phẩm, sản xuất hàng xuất khẩu có giá trị, các ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp cần nghiên cứu và áp dụng kỹ thuật tiến bộ nhằm tận dụng phế liệu, phế phẩm, tận dụng và tạo ra nguồn nguyên liệu, vật liệu trong nước, thay thế và giảm nguyên vật liệu nhập ngoại.

— Đề nâng cao chất lượng và trình độ thiết kế và chế tạo các dụng cụ và thiết bị sản xuất nông nghiệp (công cụ cầm tay cải tiến các loại máy tuốt lúa, máy trộn thức ăn gia súc, máy bơm, máy phun thuốc trừ sâu v.v...), thiết bị sản xuất thông thường phục vụ tiêu dùng và thực phẩm, vấn đề chủ yếu là nâng cao trình độ công nghệ. Do đó, phải giải quyết dần những vấn đề kỹ thuật, làm chủ và áp dụng ổn định những công nghệ cơ bản (cổ điển) đặc biệt là các khâu đúc, nhiệt luyện v.v., nâng cao trình độ thống nhất hóa, tiêu chuẩn hóa, chuyên môn hóa; áp dụng một số công nghệ mới liên tiến (đúc khuôn tươi, rèn dập thể tích) ở các tỉnh thành phố có điều kiện. Nhằm tăng hệ số sử dụng thiết bị, giải quyết một phần khó khăn về nhập khẩu (do thiếu phụ tùng thay thế), cần áp dụng rộng rãi kỹ thuật phục hồi chi tiết máy (mạ hàn, phun, đắp...).

— Trong công nghiệp thực phẩm, cần áp dụng rộng rãi kỹ thuật chế biến mỳ ăn liền; cơ khí hóa sản xuất nước chấm, nước mắm nhằm tăng năng suất và đảm bảo vệ sinh; kỹ thuật lên men nhằm công nghiệp hóa nghề làm lương, sản xuất chao (đậu phụ nhự), nghề muối chua rau, quả (dưa, cà muối); các loại nước giải khát từ nguyên liệu trong nước (nước quả, nước uống lên men); kỹ thuật sản xuất mì chính bằng phương pháp vi sinh vật; kỹ thuật sản xuất men bánh mỳ; kỹ thuật sản xuất nước khoáng; cơ khí hóa sản xuất muối từ nước biển. Áp dụng các kết quả nghiên cứu về chế biến và bảo quản hoa màu, thóc, gạo nhằm đảm bảo và nâng cao giá trị dinh dưỡng của lương thực.

— Trong công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu, cần phát triển và áp dụng kỹ thuật sơ chế và bảo quản da sống (da lợn, trâu, bò) để sản xuất da và các mặt hàng bằng da; kỹ thuật men đá thay men tro để sản xuất sành

sứ; kỹ thuật chống mốc bảo quản hàng mây, tre, cói xuất khẩu đạt chất lượng cao; nâng cao chất lượng và phát triển các mặt hàng mới về sơn mài, mỹ nghệ, thảm len v.v... phục vụ xuất khẩu; áp dụng kỹ thuật chưng cất, trích ly và tinh luyện sản xuất tinh dầu từ vỏ cam, chanh, quýt, bưởi (nguồn phế liệu trong các xí nghiệp chế biến hoa quả), sản xuất tinh dầu hồi, bạc hà v.v...; nâng cao chất lượng và phát triển mặt hàng mới về đồ chơi của trẻ em, mặt hàng giả da, mặt hàng nhựa tái sinh v.v...

5. Trong xây dựng:

Áp dụng rộng rãi các biện pháp kỹ thuật để tăng sản lượng và chủng loại vật liệu xây dựng; phát triển xi măng lò đứng; sử dụng chất kết dính đolômit thay lực đề sản xuất gạch ngói, ống cống, thay xi măng làm ô nê đồng muối; mở rộng sản xuất gạch rỗng, gạch lát màu, gạch lát men. Đẩy mạnh áp dụng các biện pháp kỹ thuật để tận dụng nguyên vật liệu địa phương như cát mịn làm bê tông, vữa xây; cát đen để sản xuất ngói xi măng - cát. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm tiết kiệm vật liệu xây dựng, như sử dụng chất phụ gia hóa dẻo, hàn đối đầu cốt thép; áp dụng kết cấu bê tông ứng suất trước trong xây dựng cầu, làm lá vệt đường sắt, thép kéo nguội, tấm lợp bằng xi măng lưới thép, tấm lợp lớn.

— Áp dụng kỹ thuật thi công tiên tiến như thi công theo phương pháp nâng sàn, ván khuôn trượt, dùng cọc nêm cho đất yếu.

— Nghiên cứu và áp dụng thiết kế mẫu thích hợp cho từng địa phương như nhà ở, bệnh viện, trường học, nhà trẻ; các công trình phục vụ nông nghiệp như chuồng trại chăn nuôi, kho tàng; mẫu nhà ở cho nông thôn mới...

6. Trong giao thông vận tải:

— Trong ngành đường ô tô, đường thủy, cần thực hiện các biện pháp kinh tế - kỹ thuật chủ yếu; giảm thời gian quay vòng phương tiện, giảm tiêu hao nhiên liệu v.v...

— Áp dụng vận trù học, toán kinh tế, sử dụng máy tính điện tử trong việc tính toán chọn các phương án vận tải hợp lý, trong việc tổ chức sản xuất ở các xí nghiệp vận tải, tùy điều kiện của địa phương).

— Cơ giới hóa các khâu nặng nhọc, độc hại trong xếp dỡ hàng hóa, cạo gỗ, sơn...

— Ứng dụng rộng rãi kỹ thuật xi măng lưới thép trong chế tạo tàu, thuyền, xà lan.

— Mở rộng sử dụng bê tông dự ứng lực trong các cầu.

(Xem tiếp trang 31)

Kĩ thuật đúc lạc hậu, công nghệ sản xuất đúc cũ kỹ, trang thiết bị lại không có gì đáng kể đã làm cho sản phẩm đúc của nước ta vốn đã ít về số lượng lại kém về chất lượng gây lãng phí rất lớn cho nền kinh tế quốc dân. Tỷ lệ hỏng của đúc cao, vật đúc kém chính xác, lượng dư gia công quá lớn đã gây nhiều khó khăn cho khâu gia công cắt gọt, tiện phi hàng vạn giờ công máy, công người. Thêm nữa chất lượng kim loại của vật đúc cũng kém làm cho máy móc sản xuất ra vừa nặng vừa mau hỏng, mau mòn.

Có chú ý tới khâu tạo phôi đúc mới nâng cao được hiệu quả kinh tế trong sản xuất cơ khí nói chung. Tất nhiên đối với ngành đúc nước ta, đổi mới kỹ thuật và trang bị lại cho các xưởng là một việc làm đòi hỏi phải có vốn đầu tư trong nhiều năm và phải tiến hành dần từng bước, có trọng điểm Song có khá nhiều phương diện trong sản xuất đúc không đòi hỏi lớn lắm về vốn đầu tư, có thể làm được ngay.

Cũng còn một yếu tố khác rất quan trọng không thể không nói đến đó là một số vấn đề về quan niệm và tư tưởng ngành nghề của cả cán bộ lãnh đạo nhà máy, cán bộ kỹ thuật lẫn công nhân ngành đúc. Một số cán bộ lãnh đạo các xí nghiệp cơ khí thực sự có xem nhẹ, thậm chí coi thường khâu tạo phôi trong dây chuyền sản xuất, thường chỉ lo nhiều đến vấn đề đầu tư, đổi mới kỹ thuật, tăng cường trang thiết bị cho khâu gia công cơ, tính xem nhà máy nhà có bao nhiêu loại máy cắt gọt thì đủ... mà chưa thấy hết tầm

quan trọng, đôi trường hợp có tình chất quyết định của khâu tạo phôi. Do đó nhiều cán bộ lãnh đạo, cả những cán bộ chỉ đạo kỹ thuật ít quan tâm tới việc trang bị cho xưởng đúc dù chỉ là những trang thiết bị tối thiểu cũng như tới điều kiện làm việc cho cán bộ và công nhân ngành đúc. Các xưởng đúc gọi là lớn của ta khi mới xây dựng cũng có được trang bị một số máy nhưng qua hơn chục năm sản xuất, thiết bị hư hỏng rồi ngừng chạy khá nhiều, hệ thống thông gió rỉ rỉ ruộng nát dần. Mức cơ khí hóa của xưởng chỉ ngày một suy giảm nhưng kế hoạch sản lượng được giao mỗi năm một tăng. Điều này trái với quy luật tái sản xuất mở rộng, nhưng lại là hiện tượng đáng phổ biến ở ngành đúc nước ta. Nếu cứ giữ mãi quan niệm thiên lệch với ngành đúc như trên, trong thời gian tới bước vào sản xuất lớn, chắc sẽ gây trở ngại nhiều cho sự phát triển của chính ngành cơ khí.

Cán bộ kỹ thuật và nhất là công nhân ngành đúc thì chưa thực an tâm và yêu nghề tha thiết. Tâm lý không muốn vào học ngành đúc, không muốn được phân công vào ngành đúc nảy sinh ngay từ khi còn trong thời kỳ đào tạo, kéo dài sang cả thời kỳ phân phối khi học xong.

Tất cả những vấn đề sơ bộ nêu ra trên đây nếu không được sớm nghiên cứu có hệ thống và tìm biện pháp khắc phục thì rất khó đẩy mạnh được sản xuất đúc, ở nước ta, khó đáp ứng được yêu cầu của ngành chế tạo cơ khí.

Tình hình và nhiệm vụ công tác khoa học kỹ thuật...

(Tiếp theo trang 18)

— Nghiên cứu quy hoạch hệ thống đường xá cầu cống ở nông thôn, phù hợp với phát triển cấp huyện (đường liên huyện, đường liên tỉnh, đường liên xã v.v...); nghiên cứu các loại phương tiện vận tải thủ công, cải tiến nữa cơ giới, cơ giới, thích hợp với điều kiện hoàn cảnh của địa phương, phù hợp với phương hướng nông thôn đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

7. Trong ngành y tế:

Đề phụ: vụ cho việc phòng chống và chữa bệnh, đảm bảo sức khỏe cho nhân dân ở địa phương cần chú ý:

— Điều tra nghiên cứu tình hình bệnh tật (bệnh nghề nghiệp, bệnh xã hội, bệnh do thiếu dinh dưỡng) ở các đối tượng lao động, các lứa tuổi khác nhau.

— Điều tra dinh dưỡng trong các khâu

phân ăn của các đối tượng lao động và lứa tuổi khác nhau.

— Áp dụng rộng rãi các quy trình kỹ thuật trồng các loại cây thuốc, kỹ thuật chế biến và bảo quản các loại dược phẩm từ nguồn cây thuốc ở địa phương.

— Đưa nhanh vào sản xuất các loại thuốc phòng dịch đã được nghiên cứu và kết luận: vắc xin phòng dịch tả, đậu mùa v.v... (ở các địa phương có điều kiện).

— Áp dụng các biện pháp phòng chống, điều trị có hiệu quả các bệnh xã hội: sốt rét, lao, hoa liễu... (chú trọng các tỉnh thành phố phía nam).

Kỳ sau đăng tiếp phần:

III - Đưa công tác quản lý kỹ thuật vào nền nếp